

GIÁM SÁT HỆ THỐNG TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM

Đỗ Thiên Anh Tuấn

Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

1

NỘI DUNG

- **PHẦN I** – RỦI RO HỆ THỐNG VÀ CÁCH TIẾP CẬN GIÁM SÁT CẦN TRỌNG VĨ MÔ
- **PHẦN II** – BA TRỤ CỘT CỦA BASEL VÀ CÁCH TIẾP CẬN GIÁM SÁT NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM
- **PHẦN III** – CẦN TRỌNG VĨ MÔ ĐƠN THUẦN CHỈ LÀ VẤN ĐỀ KỸ THUẬT?

2

PHẦN I – RỦI RO HỆ THỐNG VÀ CÁCH TIẾP CẬN GIÁM SÁT CẦN TRỌNG VĨ MÔ

- Rủi ro hệ thống là gì?
- Thất bại của giám sát cần trọng vĩ mô
- Vai trò của giám sát cần trọng vĩ mô
- Các quy định giám sát cần trọng vĩ mô

3

Rủi ro hệ thống (SR) là gì?

- Rất khó định nghĩa và lượng hóa rủi ro hệ thống (SR)
 - ECB (2009): SR là rủi ro khi sự bất ổn tài chính trở nên lan rộng và làm suy yếu chức năng của hệ thống tài chính đến mức độ gây thiệt hại vật chất lên tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội
 - BIS (2010): SR là rủi ro của sự gián đoạn các dịch vụ tài chính gây ra bởi một sự thiệt hại của tất cả hay của từng phần hệ thống tài chính và có tiềm năng sẽ gây ra những hệ quả tiêu cực nghiêm trọng cho nền kinh tế thực.

4

Rủi ro tài chính hệ thống (SFR) & Rủi ro thực hệ thống (SRR)

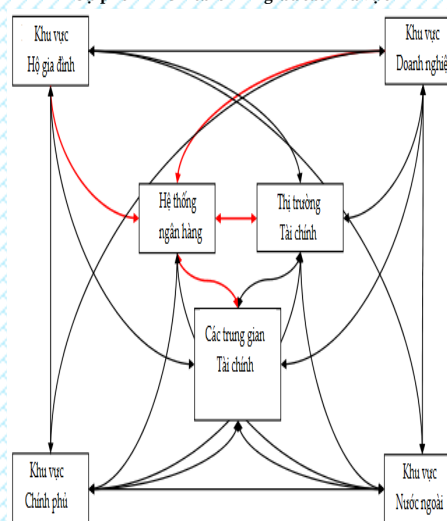
- Gianni và Marcella (BIS 2010): hai loại rủi ro hệ thống:
 - SFR là rủi ro phát sinh từ một cú sốc nào đó làm kích hoạt một sự mất mát giá trị kinh tế hoặc suy giảm niềm tin vào, và làm tăng tính hiện hữu của sự bất định đối với, một phần quan trọng của hệ thống tài chính.
 - SRR là rủi ro phát sinh từ một cú sốc nào đó làm kích hoạt sự sụt giảm đáng kể trong các hoạt động của nền kinh tế thực.

5

Như vậy, có thể hiểu:

- SR là khi có một tác nhân hay một cú sốc nào đó phát sinh ảnh hưởng đến sự ổn định của toàn HTTC, tạo ra sự mất mát kinh tế hay sự sụt giảm giá trị không chỉ đối với HTTC mà còn có thể lây lan sang nền kinh tế thực, gây thiệt hại vật chất lên sản lượng thực của nền kinh tế và phúc lợi của xã hội.

Sự phơi nhiễm tài chính giữa các khu vực



Nguồn: IMF 2010. Systemic Risks and the Macroeconomy

6

Nhận diện và đo lường rủi ro hệ thống

Công cụ	Phạm vi			Dữ liệu yêu cầu	
	Các định chế	Thị trường	Ngành	Tần suất	Loại dữ liệu
VaR có điều kiện	Y		Tài chính	Cao	Giá tài sản và bảng cân đối tài sản
Chỉ số nguy hiểm liên kết	Y		Tài chính	Cao	Giá tài sản
Hiệu ứng lan tỏa thu nhập	Y		Tài chính	Cao	Giá tài sản
Hiệu ứng lan tỏa nguy hiểm	Y	Y	Tài chính	Cao	Giá tài sản
Xác suất vỡ nợ dựa trên thị trường	Y		Tài chính và doanh nghiệp	Cao	Giá tài sản và bảng cân đối tài sản
Phân tích tính bền vững của nợ			Nợ nước ngoài và chính phủ	Thấp	BOP và dữ liệu ngân sách
Chỉ số căng thẳng tài khóa			Tài khóa	Thấp	Tài khóa
Kịch bản cú sốc trả nợ quốc gia		Y	Tài chính và chính phủ	Trung bình	Cơ sở nhà đầu tư và tài sản ngân hàng
Mô hình giá tài sản		Y		Trung bình	Giá tài sản và dữ liệu ngân hàng
Tiếp cận bảng cân đối tài sản			Tất cả	Thấp	Dữ liệu bảng cân đối tài sản ngành
Phân tích rút tiền khỏi hệ thống ngẫu nhiên	Y		Tài chính	Thấp	Giá tài sản và bảng cân đối tài sản
Sự liên kết xuyên biên giới	Y		Ngân hàng	Thấp	Dữ liệu ngân hàng xuyên biên giới
Sự lây lan mạng lưới xuyên biên giới	Y		Ngân hàng	Thấp	Dữ liệu ngân hàng xuyên biên giới
Chỉ số rủi ro thanh khoản hệ thống	Y		Tài chính	Cao	Giá tài sản và bảng cân đối tài sản
Chuyển đổi cơ chế (tỷ giá)		Y	Tài chính	Cao	Giá tài sản
Các chỉ báo lành mạnh tài chính	Y	Y	Tài chính, doanh nghiệp, hộ gia đình	Thấp	Ngân hàng và bảng cân đối tài sản
Công cụ đánh giá sức khỏe ngân hàng (HEAT)	Y		Tài chính	Thấp	Bảng cân đối tài sản
Mô hình ngưỡng			Tài chính	Thấp	Dữ liệu kinh tế vĩ mô
Kiểm nghiệm căng thẳng vĩ mô	Y		Tài chính	Thấp	Giá tài sản và bảng cân đối tài sản
GDP at Risk			Thực, tài chính	Thấp	Giá tài sản và dữ liệu kinh tế vĩ mô
Mô hình dự báo khủng hoảng dựa trên hệ số tín dụng/GDP			Tài chính	Thấp	Dữ liệu kinh tế vĩ mô
Mô hình dự báo khủng hoảng			Tài chính, chính phủ	Thấp	Dữ liệu kinh tế vĩ mô
Mô hình DSGE			Doanh nghiệp, hộ gia đình	Thấp	Dữ liệu kinh tế vĩ mô

Ghi chú: "Y" ngụ ý rằng các chỉ báo có thể được sử dụng cho tất cả các loại định chế hoặc thị trường

Nguồn: Trích từ Blancher et al (2013)

7

Thất bại của giám sát an toàn vi mô

- Trong vai trò là người cho vay, ngân hàng luôn đối mặt với lựa chọn bất lợi (adverse selection) và rủi ro đạo đức (moral hazard)
- Nhưng trong vai trò là người đi vay, ngân hàng cũng đặt người gửi tiền vào những tình huống tương tự
- Chính phủ và cơ quan giám sát ngân hàng thường áp đặt nhiều tiêu chuẩn bảo đảm an toàn ngân hàng
- Vai trò của cơ quan bảo hiểm tiền gửi có thể khiến cho ngân hàng có thái độ chấp nhận rủi ro nhiều hơn
- Để giảm rủi ro đạo đức và nội hóa ngoại tác, các ngân hàng thường được yêu cầu phải duy trì mức vốn tự có tối thiểu
- Trục trặc gì nảy sinh khi một ngân hàng không đáp ứng được yêu cầu vốn tối thiểu này?

8

Vai trò của giám sát cẩn trọng vĩ mô

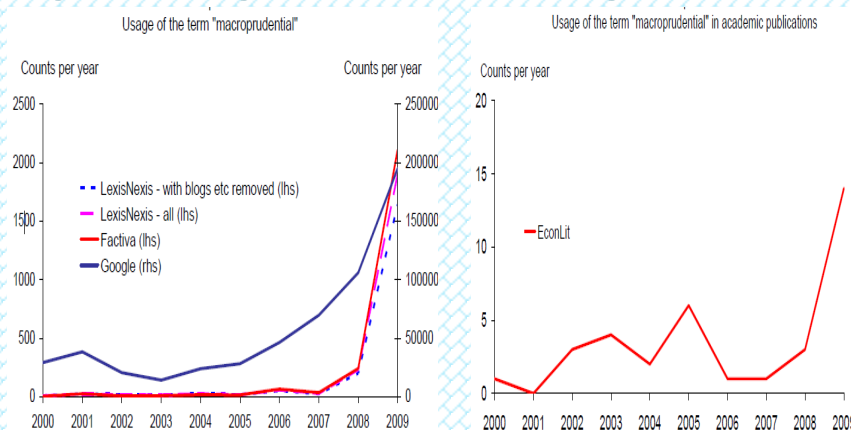
Trước khủng hoảng 2008, nhiều người tin rằng hệ thống giám sát an toàn vĩ mô với mục tiêu xây dựng từng định chế tài chính mạnh là đủ.

Sau khủng hoảng 2008, dường như có một sự đồng thuận cho rằng các quy định điều tiết tài chính cần được chuyển hướng sang giám sát an toàn vĩ mô của cả hệ thống.

- **Nhật Bản** thập niên 1990 cho thấy, nếu đánh giá ở góc độ từng ngân hàng thì rất mạnh nhưng nếu nhìn ở cả hệ thống thì lại rất yếu (Goodhart (2004)).
- **Hoà kỳ** với cuộc khủng hoảng dưới chuẩn gần đây cũng cho thấy tính dễ phối nhiệm trước các tác động lây lan mang tính hệ thống, ngay cả đối với các định chế vốn được xem là đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đủ vốn trước khủng hoảng (Hirtle et al. 2009).
- Dù còn nhiều tranh luận về nguyên nhân các cuộc khủng hoảng nhưng có một số ý kiến cho rằng các khuôn khổ giám sát tài chính trước đây vốn chủ yếu tập trung vào khía cạnh an toàn vĩ mô, tức là giám sát sự tuân thủ quy định của từng định chế tài chính riêng lẻ là **không đủ**.
- Cách tiếp cận giám sát an toàn vĩ mô (macroprudential approach) lại tập trung vào tầm quan trọng của sự **cân bằng tổng thể** đối với toàn hệ thống tài chính.

9

Thuật ngữ “macroprudential” ngày càng được sử dụng phổ biến



Nguồn: Galati and Moessner 2011

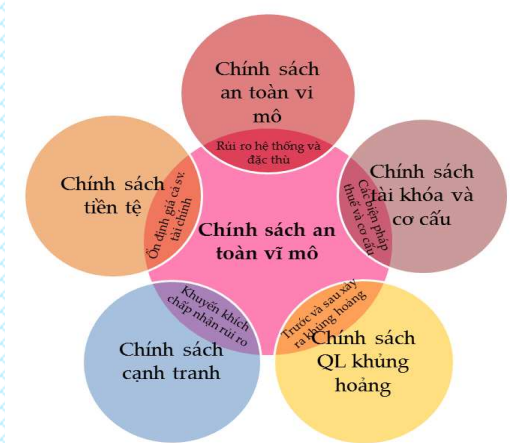
10

Chính sách an toàn vĩ mô là gì?

- Chính sách an toàn vĩ mô là hệ thống các khuôn khổ và quy định được thiết kế nhằm **giám sát**, đánh giá và **điều tiết** các phản ứng chính sách phù hợp với hệ thống tài chính nhìn ở góc độ tổng thể thay vì chỉ tập trung vào từng định chế tài chính riêng lẻ hay các biện pháp kinh tế nhất định một cách biệt lập (Group of 30, 2010).
 - **Điều tiết (regulation)** là việc sử dụng các quy định, quy tắc, điều lệ và chuẩn mực nhằm quản lý các hành vi của các định chế tài chính.
 - **Giám sát (supervision)** là việc thi hành các quy định và các khuôn khổ được thiết lập nhằm đảm bảo rằng các quy định và khuôn khổ này được tuân thủ đúng.
- Chính sách an toàn vĩ mô đặt ra hai yêu cầu đồng thời:
 - Trước hết, bản thân các chuẩn mực phải phù hợp;
 - sau đó, cần có phương cách để đảm bảo các định chế tài chính tuân thủ đúng các chuẩn mực này.

11

Tương tác giữa chính sách cẩn trọng vĩ mô với chính sách cẩn trọng vi mô và với các chính sách vĩ mô khác



Nguồn: IMF 2013

12

Bốn cách tiếp cận phối hợp điều tiết và giám sát tài chính

Cách tiếp cận định chế

Cách tiếp cận định chế là cách tiếp cận mà ở đó tình trạng pháp lý của một công ty (ví dụ như một ngân hàng, một công ty bảo hiểm, một nhà môi giới chứng khoán) sẽ quyết định cơ quan nào chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của nó từ cả hai khía cạnh an toàn và lành mạnh tài chính, và chuẩn mực kinh doanh.

Cách tiếp cận chức năng

Cách tiếp cận chức năng là cách tiếp cận mà ở đó vai trò giám sát được xác định bởi phương thức kinh doanh mà các công ty tiến hành, bất kể tình trạng pháp lý của công ty đó như thế nào. Mỗi một loại hình kinh doanh sẽ do một cơ quan điều tiết theo chức năng đảm trách.

Bốn cách tiếp cận phối hợp điều tiết và giám sát tài chính

Cách tiếp cận tích hợp

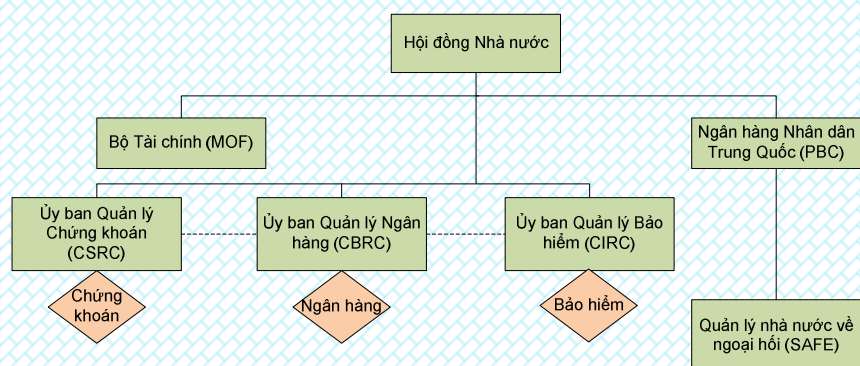
Cách tiếp cận tích hợp là cách tiếp cận mà ở đó một cơ quan điều tiết chung duy nhất sẽ chịu trách nhiệm tiến hành cả hai hoạt động giám sát gồm đảm bảo an toàn và lành mạnh tài chính lẫn tuân thủ chuẩn mực kinh doanh đối với tất cả các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ tài chính.

Cách tiếp cận song trùng

Cách tiếp cận song trùng là tiếp cận mà ở đó có sự tách rời các chức năng điều tiết giữa hai cơ quan điều tiết, trong đó một cơ quan chịu trách nhiệm giám sát sự an toàn và lành mạnh tài chính, còn một cơ quan khác tập trung vào điều tiết chuẩn mực kinh doanh.

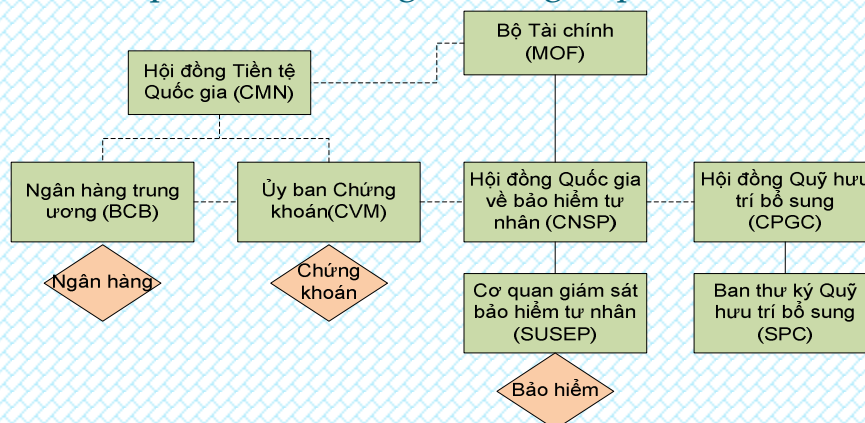
Nguồn: The Group of 30

Kinh nghiệm các nước: Cách tiếp cận định chế - trường hợp Trung Quốc



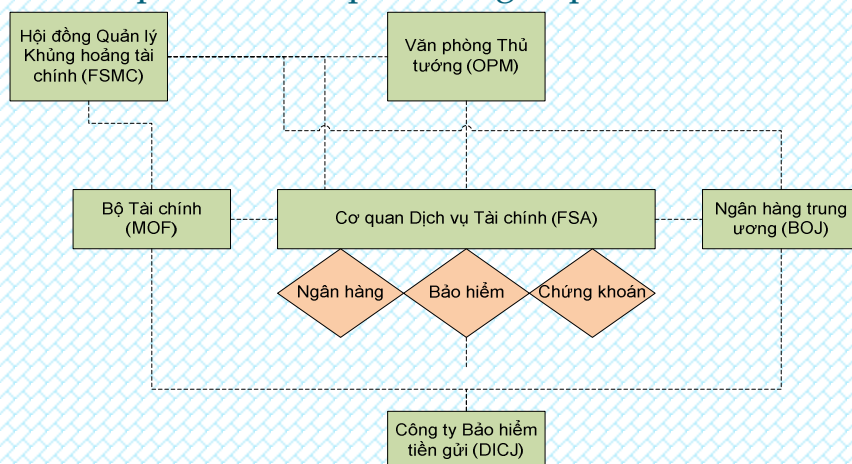
Nguồn: The Group of 30

Kinh nghiệm các nước: Cách tiếp cận chức năng - trường hợp Brazil



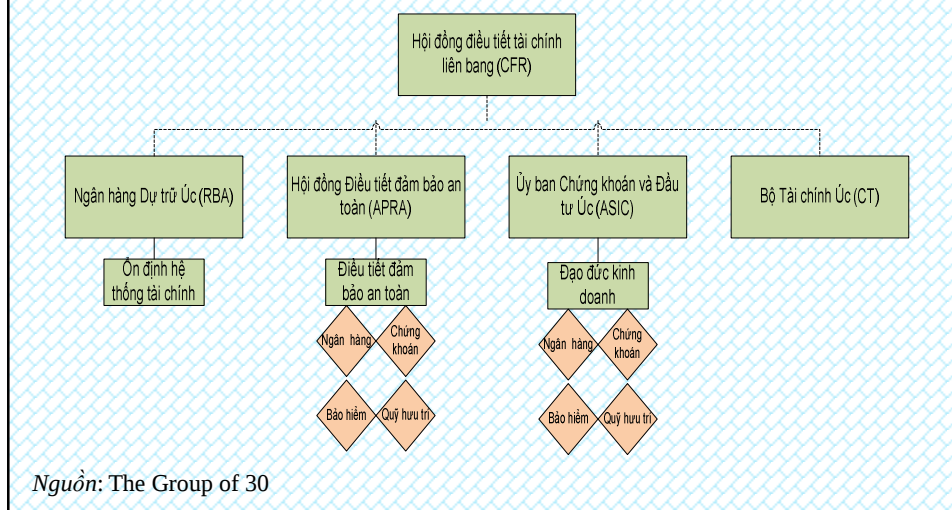
Nguồn: The Group of 30

Kinh nghiệm các nước: Cách tiếp cận tích hợp - trường hợp Nhật Bản

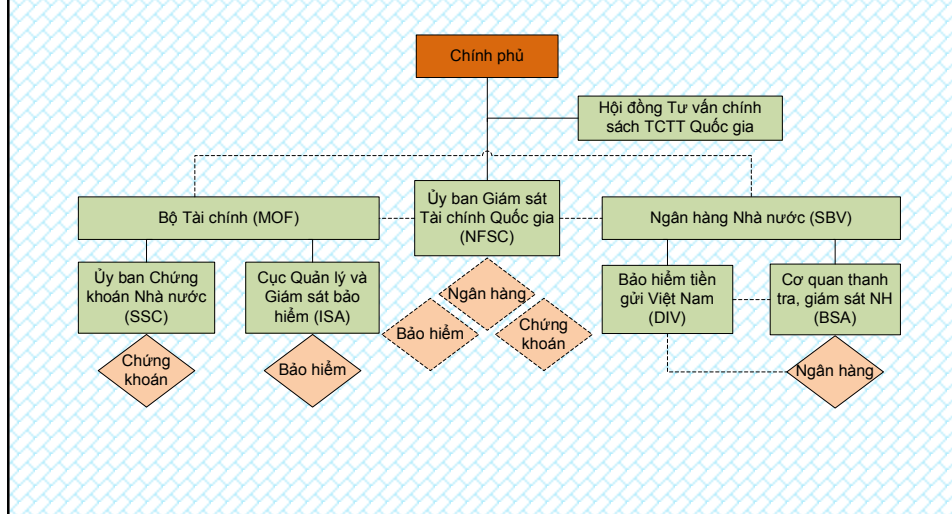


Nguồn: The Group of 30

Kinh nghiệm các nước: Cách tiếp cận song trùng - trường hợp của Úc



Tổ chức hệ thống giám sát tài chính và phối hợp chính sách ở Việt Nam



Quy định giám sát cẩn trọng vĩ mô

- Yêu cầu hệ số vốn khác nhau theo thời gian
- Nâng cao chất lượng nguồn vốn
- Hành động sửa sai tức thời (PCA) đặt mục tiêu vào vốn tuyệt đối, không phải vốn tương đối
- Vốn dự phòng có điều kiện (contingent capital)
- Các quy định về kỳ hạn nợ và thanh khoản tài sản
- Điều tiết hệ thống ngân hàng mờ (shadow banking)

19

PHẦN II - BA TRỤ CỘT CỦA BASEL VÀ CÁCH TIẾP CẬN GIÁM SÁT NGÂN HÀNG Ở VN

- Ba trụ cột chính của Basel và cách tiếp cận mới của Basel III
- Quy định đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng ở Việt Nam
 - Tiến hay lùi? Những gì cần làm tiếp theo?

20

Ba trụ cột chính của Basel

- **Trụ cột thứ nhất** – Các yêu cầu vốn tối thiểu (CAR)
- **Trụ cột thứ hai** – Tăng cường cơ chế giám sát
 - **Nguyên tắc 1:** Ngân hàng cần có quy trình đánh giá sự thích hợp của tổng vốn và hồ sơ rủi ro, và chiến lược duy trì các mức vốn khác nhau
 - **Nguyên tắc 2:** Người giám sát cần kiểm tra và đánh giá lại các chiến lược và mức vốn của ngân hàng, đảm bảo khả năng giám sát và tuân thủ.
 - **Nguyên tắc 3:** Kiểm soát viên nên yêu cầu ngân hàng duy trì mức cao hơn tỷ lệ vốn điều chỉnh tối thiểu.
 - **Nguyên tắc 4:** Kiểm soát viên cần có biện pháp can thiệp ngay ở giai đoạn đầu để ngăn mức vốn giảm xuống thấp hơn mức tối thiểu, nếu không cần phải có hành động kịp thời.
- **Trụ cột thứ ba** – Tuân thủ kỷ luật thị trường

21

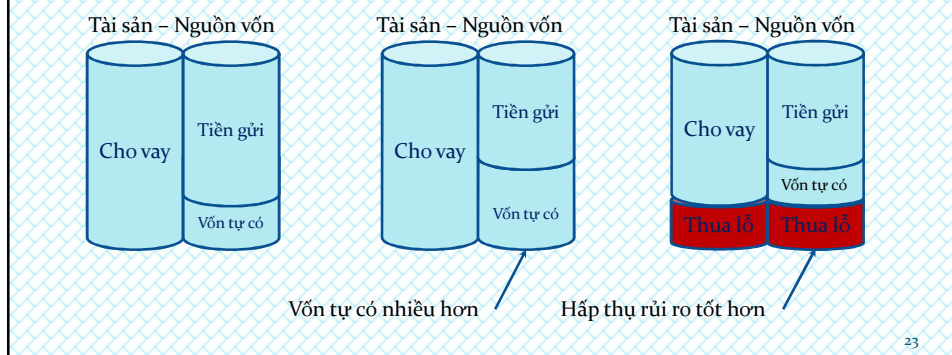
Basel III (2010)

- **Yêu cầu về vốn**
 - Tiếp tục nâng cao chất lượng vốn (hệ số vốn cổ phần thường $\geq 4,5\%$; vốn cấp 1 $\geq 6\%$)
 - Đề xuất đệm vốn dự phòng bổ sung (0,625% - 2,5%)
 - Đệm nghịch chu kỳ tùy nghi (0-2,5%)
- **Hệ số đòn bẩy**
 - Vốn cấp 1 chia cho tổng tài sản hợp nhất bình quân $\geq 3\%$ (thử nghiệm)
- **Yêu cầu về thanh khoản**
 - Ngân hàng được yêu cầu nắm giữ các tài sản thanh khoản và có chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu chi trả cũng như nâng cao khả năng chống đỡ ngắn hạn tốt hơn
 - **Hệ số đảm bảo thanh khoản** (Liquidity Coverage Ratio): Duy trì tài sản thanh khoản chất lượng cao để trang trải dòng tiền ra trong 30 ngày.
 - **Hệ số quỹ bình ổn ròng** (Net Stable Funding Ratio): Duy trì nguồn quỹ bình ổn để giải quyết các căng thẳng tài chính trong trên 1 năm.
- **Tiếp cận phương pháp giám sát an toàn vĩ mô**
 - Giảm nguy cơ làm khuếch đại khủng hoảng theo chu kỳ kinh tế
 - Tăng cường giám sát và áp đặt chuẩn mực cao hơn đối với các định chế có nguy cơ cao gây khủng hoảng hệ thống (SIFIs).

22

Vai trò của vốn tự có

- Tăng khả năng đàn hồi (đệm hấp thụ thua lỗ)
- Hạn chế chấp nhận rủi ro
- Giảm rủi ro đạo đức (Moral Hazard)



Lộ trình thực thi Hiệp ước Basel 3

Hệ số đòn bẩy	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	Tính đến 01/01/2019
	Theo dõi giám sát	Áp dụng song song 01/01/2013 - 01/01/2017			Chuyển đổi sang Trụ cột 1				
		Công khai bắt đầu từ 01/01/2015							
Hệ số vốn cổ phần thường tối thiểu			3.5%	4.0%	4.5%	4.5%	4.5%	4.5%	4.5%
Đệm dự phòng vốn						0.625%	1.25%	1.875%	2.50%
Vốn cổ phần thường cộng đệm dự phòng vốn			3.5%	4.0%	4.5%	5.1%	5.8%	6.4%	7.0%
Lộ trình khấu trừ khỏi vốn cổ phần thường các loại vốn không đủ tiêu chuẩn				20.0%	40.0%	60.0%	80.0%	100.0%	100.0%
Vốn cấp 1 tối thiểu (Tier 1)			4.5%	5.5%	6.0%	6.0%	6.0%	6.0%	6.0%
Tổng vốn tối thiểu			8.0%	8.0%	8.0%	8.0%	8.0%	8.0%	8.0%
Tổng vốn tối thiểu cộng đệm dự phòng			8.0%	8.0%	8.0%	8.625%	9.250%	9.875%	10.5%
Các công cụ không còn đủ chất lượng như vốn cấp 1 không cốt lõi hoặc vốn cấp 2 (Tier 2)	Loại trừ dần trong 10 năm, bắt đầu từ 2013								
Hệ số bảo đảm thanh khoản	Thời kỳ quan sát bắt đầu				Đưa ra tiêu chuẩn tối thiểu				
Hệ số quỹ bình ổn ròng	Thời kỳ quan sát bắt đầu				Đưa ra tiêu chuẩn tối thiểu				

Ghi chú: Ô màu cam là giai đoạn chuyển tiếp, tất cả các năm tính từ 1/1.

Nguồn: BIS 2010

24

Từ Basel II đến Basel III

Phần trăm tài sản theo trọng số rủi ro	Yêu cầu vốn							Bổ sung bảo đảm an toàn vĩ mô	
	Vốn cổ phần thường			Vốn cấp 1		Tổng vốn		Đệm nghịch chu kỳ	Khả năng hấp thụ thua lỗ bổ sung đối với SIFIs*
	Tối thiểu	Đệm dự phòng	Đề nghị	Tối thiểu	Đề nghị	Tối thiểu	Đề nghị	Khoảng	
Basel II	2%			4%		8%			
Ghi nhớ	Tương đương khoảng 1% đối với một ngân hàng quốc tế trung bình theo định nghĩa mới			Tương đương khoảng 2% đối với một ngân hàng quốc tế trung bình theo					
Basel III	4.50%	2.50%	7%	6%	8.50%	8%	10.50%	0-2.5%	1-2.5%
* SIFIs - Các định chế tài chính quan trọng có ảnh hưởng hệ thống								10.5% - 15.5%	

Nguồn: <http://www.basel-iii-accord.com/>

25

Quy định đảm bảo an toàn ngân hàng ở Việt Nam

- Quá trình tiến hóa đến Thông tư 13
- Những điểm mấu chốt
 - Nâng cao tiềm lực tài chính của các FIs
 - Hạn chế NHTM tham gia vào các hoạt động kinh doanh nhiều rủi ro
 - Tăng cường khả năng và quản lý thanh khoản
- Những sửa đổi sau đó
- Tiến hay lùi?
- Những gì cần làm tiếp theo?

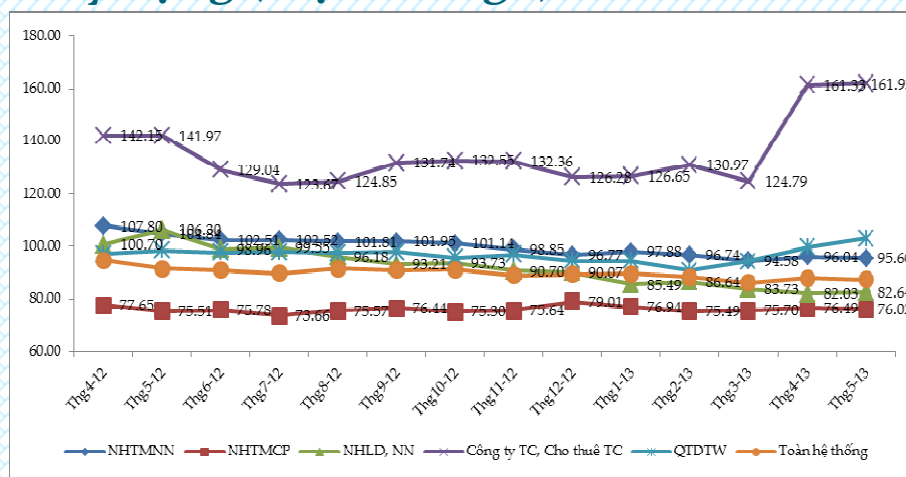
26

Một vài vấn đề cần xem xét thêm

- **Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu**
 - An toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất
 - Loại trừ khỏi vốn cấp 1 và giới hạn vốn cấp 2
 - Không có giới hạn vốn cấp 1, vốn cổ phần thường
- **Giới hạn tín dụng**
 - Đặt ra các giới hạn tín dụng cho nhiều đối tượng khác nhau
 - Trường hợp không áp dụng quá rộng; nhiều định nghĩa chưa chặt chẽ, thiếu bao quát
- **Tỷ lệ về khả năng chi trả**
 - Tiếp cận chỉ số đảm bảo thanh khoản
 - Cơ chế giám sát không đủ hiệu lực
- **Giới hạn góp vốn, mua cổ phần**
 - Có đặt ra các giới hạn góp vốn, mua cổ phần
 - Quy định thiếu chặt chẽ, nhiều giới hạn quá lỏng lẻo, bị sở hữu chéo vô hiệu
- **Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động**
 - Một cách tiếp cận khác về an toàn thanh khoản
 - Định nghĩa thiếu chặt chẽ
 - Đã bị bãi bỏ

27

Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động (thị trường 1) của các TCTD



Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của các ngân hàng

28

PHẦN III - CẦN TRỌNG VĨ MÔ ĐƠN THUẦN CHỈ LÀ VẤN ĐỀ KỸ THUẬT?

- Câu chuyện ở Mỹ
- Thực tế ở Việt Nam

29

Khủng hoảng tài chính ở Mỹ: Con đường lặp lại sai lầm?



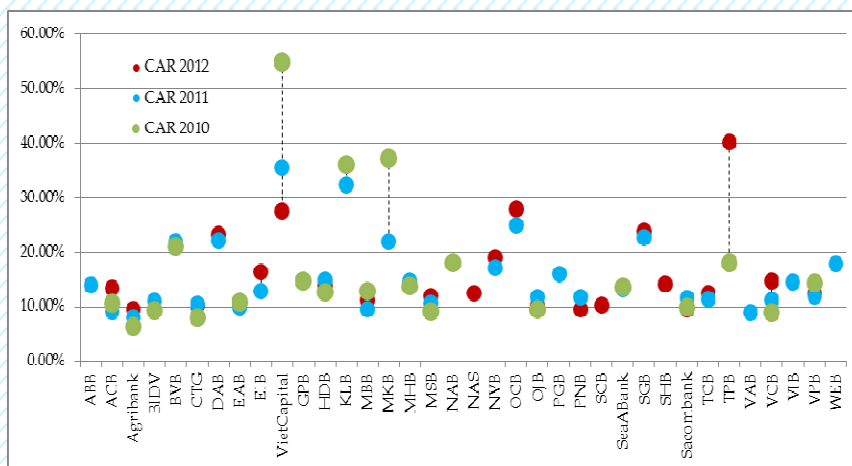
30

Những nỗ lực cải cách ở Việt Nam

- Xây dựng các tiêu chuẩn và quy định tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế
- Mở cửa hệ thống tài chính và hội nhập quốc tế
- Xử lý những tồn tại yếu kém của các tổ chức tài chính nói riêng và hệ thống tài chính nói chung

31

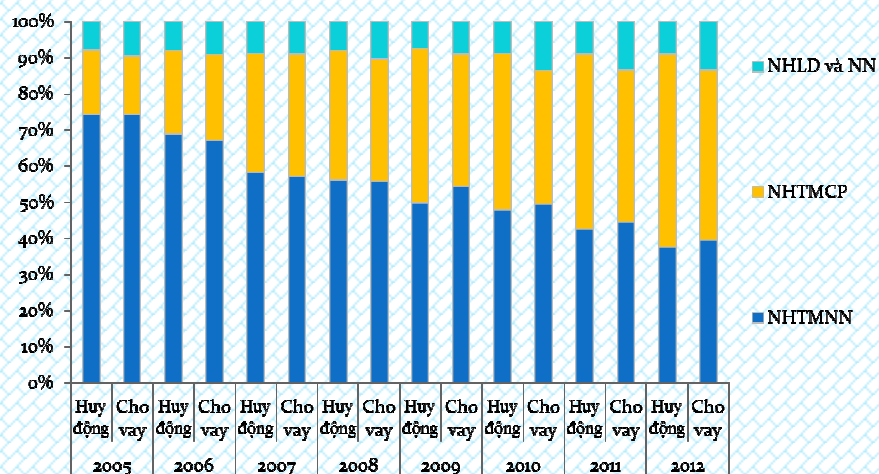
Hệ số CAR có phản ánh đúng chất lượng vốn tự có của ngân hàng VN?



Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của các ngân hàng

32

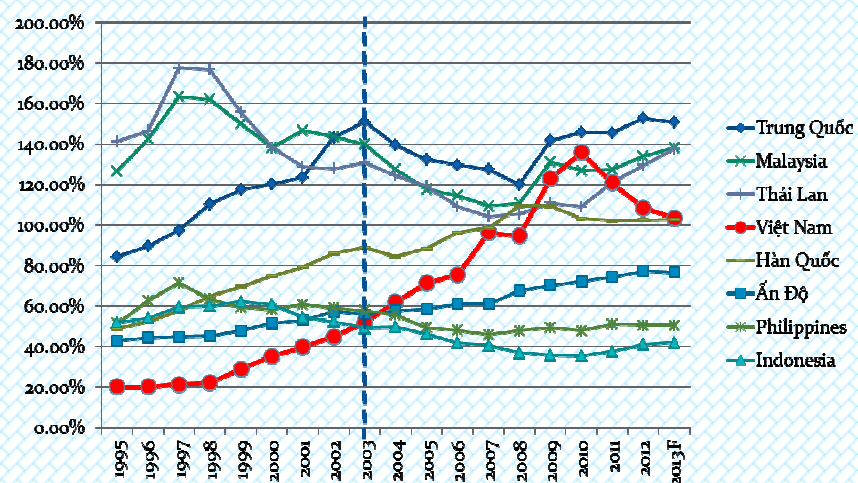
Thị phần giữa các loại hình TCTD



Nguồn: Tổng hợp

33

Tăng tốc quy mô tín dụng (% GDP)



Nguồn: EIU

34

Sự gia tăng nhanh chóng các loại hình TCTD

TT	Loại hình TCTD	1991	1997	2001	2010	2011	2012
1	NHTMNN	4	5	5	5	5	5
2	Ngân hàng Chính sách				1	1	1
3	Ngân hàng Phát triển				1	1	1
4	NHTMCP	4	5 ¹	39	37	35	34 ^[1]
	Trong đó: NHTMCP nông thôn			12	0	0	0
5	Ngân hàng liên doanh	1	4	4	5	4	4
6	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài		24		48	50	50
7	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	0	0	0	5	5	6
8	Công ty tài chính				17	18	17
9	Công ty cho thuê tài chính				13	12	17
10	Quỹ TDND TW/ Ngân hàng hợp tác ^[2]				1	1	1
11	Quỹ TDND cơ sở				1057	1095	1132
12	Tổ chức tài chính vi mô				1	1	1
13	Văn phòng đại diện NH nước ngoài				48	50	50

Ghi chú:

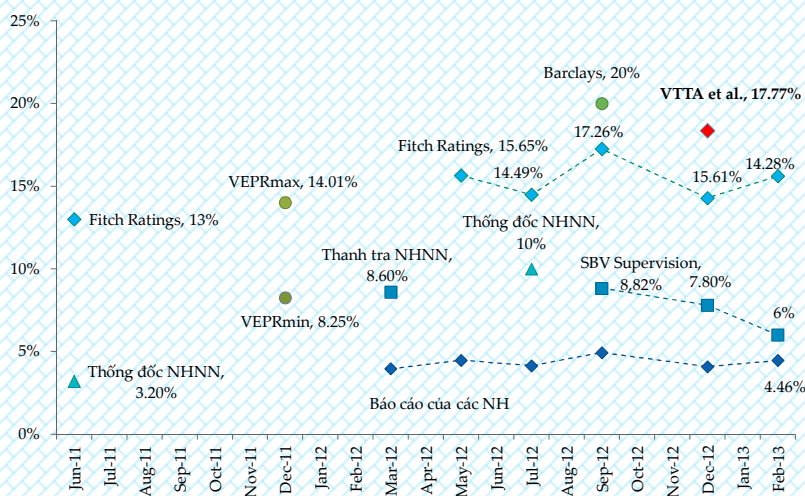
^[1] Vào cuối 2010, tổng số NHTMCP là 37, cuối năm 2011 giảm còn 35 ngân hàng sau khi 3 ngân hàng SCB, TNB, và FCB hợp nhất. Năm 2012, Habubank đã sáp nhập vào SHB nên tổng số NHTMCP giảm còn 34.

^[2] Từ 6/2013, Quỹ tín dụng nhân dân trung ương đã chuyển đổi thành Ngân hàng hợp tác.

Nguồn: NHNN và tổng hợp của nhóm nghiên cứu

35

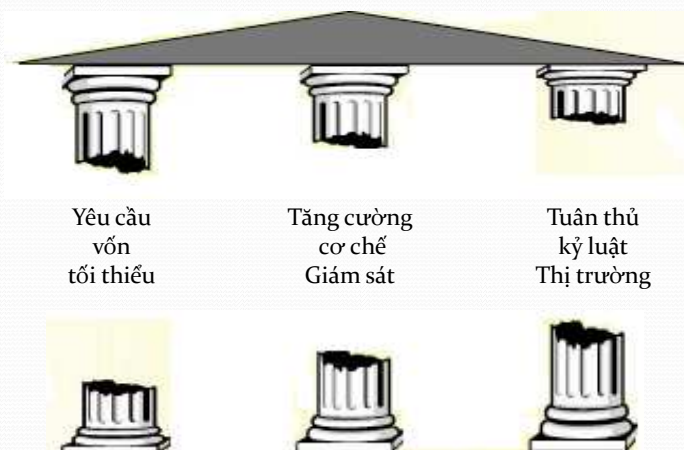
Nợ xấu trong hệ thống NH Việt Nam 2011-2013



Nguồn: Vũ Thành Tự Anh, Trần Thị Quế Giang, và Đỗ Thiên Anh Tuấn (2013)

36

Vấn đề của Việt Nam



37

Hàm ý gì?

- Công thức:
Basel II mở rộng + Bảo đảm an toàn vĩ mô = Basel III
- Nâng cấp Thông tư 13 và các quy định liên quan
- Tiếp cận các triết lý của giám sát cẩn trọng vĩ mô
- “Quy tắc Volcker”
- “Too big to fail” sv. “Too big to exist” và giám sát các SIFIs
- Quy định là quan trọng nhưng thực thi quy định còn quan trọng hơn nhiều
- **Trụ cột 2:** Tăng cường cơ chế giám sát
- **Trụ cột 3:** Tăng cường kỷ luật thị trường
- Mô hình giám sát cẩn trọng tài chính hiện nay và vai trò của các bên liên quan trong hệ thống giám sát.

38

Cơ quan nào có thể giám sát cân trọng vĩ mô hệ thống tài chính tốt nhất?

- Các cơ quan chuyên trách của Quốc hội?
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam?
- Bộ Tài chính?
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước?
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia (NFSC)?
- **Vấn đề then chốt:** Không nên có một cơ quan nào có quyền lực tối cao mà không chịu sự giám sát hoặc kiểm tra chéo của các tổ chức khác.

39